| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ DĨ AN**<br>TỈNH BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2020/DS-ST
Ngày: 30/3/2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Tú Nhi;

2. Ông Tô Văn Nhung.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Bương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 543/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-DS ngày 19/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-DS ngày 09/3/2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1952; thường trú: Số 112A1, tổ 9, khu phố A, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

*2. Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1962 và ông Nguyễn Thế M; cùng địa chỉ: Số 42/1, khu phố C, phường E, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thế M: Ông Nguyễn Nhật T, sinh năm 1984; thường trú: Ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/02/2020).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1979; thường trú: Số 16/2, khu phố C, phường E, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

(Ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Nhật T và bà Nguyễn Thị Hồng T1 có đơn xin giải quyết vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Ông Nguyễn Văn N có quen biết vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thế M. Bà H, ông M thấy ông N có chút tiền dưỡng già nên đề nghị ông N cho vay tiền, hàng tháng bà H và ông M sẽ trả lãi với mức lãi suất 1%/tháng, khi nào ông N cần tiền thì báo trước 30 ngày, bà H và ông M sẽ trả lại vốn. Cụ thể số lần vay tiền như sau:

- Ngày 07/4/2017, ông N để con gái là Nguyễn Thị Hồng T1 thay ông N đưa bà H, ông M số tiền 100.000.000 đồng. Có giấy biên nhận do ông M ký tên. Bà H, ông M đã trả lãi được 26 tháng là 26.000.000 đồng.

- Ngày 07/9/2017, ông N đưa cho bà H 100.000.000 đồng. Có giấy biên nhận do bà H ký tên. Bà H, ông M đã trả lãi được 22 tháng là 22.000.000 đồng.

- Ngày 15/10/2017, ông N để con gái là Nguyễn Thị Hồng T1 thay ông N đưa bà H, ông M số tiền 100.000.000 đồng. Có giấy nhận tiền gửi. Bà H, ông M đã trả lãi được 21 tháng là 21.000.000 đồng.

- Ngày 06/12/2017, ông N để con gái là Nguyễn Thị Hồng T1 thay ông N đưa bà H, ông M số tiền 100.000.000 đồng. Có giấy nhận tiền gửi. Bà H, ông M đã trả lãi được 20 tháng là 20.000.000 đồng.

- Ngày 04/01/2018, ông N đưa cho bà H, ông M số tiền 100.000.000 đồng. Có giấy nhận tiền gửi. Bà H, ông M đã trả lãi được 19 tháng là 19.000.000 đồng.

- Ngày 20/4/2018, ông N để con gái là Nguyễn Thị Hồng T1 thay ông N đưa bà H, ông M số tiền 100.000.000 đồng. Có giấy nhận tiền gửi. Bà H, ông M đã trả lãi được 14 tháng là 14.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông N trực tiếp đưa cho bà H, ông M là 200.000.000 đồng, con gái ông N là Nguyễn Thị Hồng T1 đưa cho bà H, ông M số tiền 400.000.000 đồng. Tổng cộng là 600.000.000 đồng, vợ chồng bà H, ông M đã trả lãi được 105.000.000 đồng.

Từ tháng 7/2019 đến nay, ông N nhiều lần đến nhà ông M, bà H để yêu cầu trả lại số nợ gốc 600.000.000 đồng nhưng nhà đóng cửa, không có ai, ông M và bà H đã bỏ trốn. Vì vậy, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thế M trả lại số nợ gốc 600.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Số tiền ông N cho bà H, ông M vay là của cá nhân ông N, con gái Nguyễn Thị Hồng T1 chỉ là người đi giao tiền thay, không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án.

* Quá trình giải quyết vụ án: Ngày 31/01/2020, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay

400.000.000 đồng theo các giấy nhận tiền ngày 15/10/2017; 06/12/2017; 04/01/2018 và 20/4/2018. Ông N yêu cầu bà H và ông M trả lại số nợ gốc 200.000.000 đồng theo hai giấy nhận tiền ngày 07/4/2017 và ngày 07/9/2017, không yêu cầu tính lãi.

*- Tại bản tự khai ngày 20/02/2020, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thế M là ông Nguyễn Nhật T trình bày:*

Ông Nguyễn Thế M và bà Nguyễn Thị Hồng H có vay mượn của ông Nguyễn Văn N số tiền 200.000.000 đồng, được thể hiện tại hai giấy nhận tiền gửi ngày 07/4/2017 và ngày 07/9/2017, việc vay mượn có thỏa thuận lãi suất 1%/tháng. Từ ngày vay tiền, ông M và bà H vẫn trả lãi đầy đủ cho ông N. Việc trả lãi cho ông N được thực hiện bằng cách giao tiền trực tiếp cho ông N, không có giấy tờ chứng minh.

Khoảng tháng 7/2019, ông N có thông báo cho bà H và ông M trả lại số tiền gốc 200.000.000 đồng, tuy nhiên do hiện nay ông M và bà H gặp khó khăn nên không thể trả tiền ngay cho ông N được.

*- Tại bản tự khai ngày 04/02/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng T1 trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Hồng T1 là con của ông Nguyễn Văn N. Ông N có cho bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Nguyễn Thế M vay số tiền 600.000.000 đồng. Do ông N lớn tuổi nên đã nhờ bà T1 đi giao tiền. Những lần giao tiền đều có giấy nhận tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 07/4/2017, bà T1 đưa bà H, ông M số tiền 100.000.000 đồng.

- Ngày 15/10/2017, bà T1 đưa bà H, ông M số tiền 100.000.000 đồng.

- Ngày 06/12/2017, bà T1 đưa bà H, ông M số tiền 100.000.000 đồng.

- Ngày 20/4/2018, bà T1 đưa bà H, ông M số tiền 100.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà bà T1 thay ông N đưa cho bà H, ông M là 400.000.000 đồng.

Nay ông N khởi kiện yêu cầu bà H, ông M trả nợ thì bà T1 thống nhất và không có ý kiến gì. Bà T1 chỉ là người đi giao tiền thay cho ông N. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án*: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 400.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại số tiền 200.000.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Nhật T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Ngày 31/01/2020, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 400.000.000 đồng theo các giấy nhận tiền ngày 15/10/2017; 06/12/2017; 04/01/2018 và 20/4/2018. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn N có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Nguyễn Thế M vay tổng số tiền 200.000.000 đồng, thể hiện tại các giấy nhận tiền ngày 07/4/2017 và ngày 07/9/2017, lãi suất 1%/tháng, các bên thỏa thuận khi nào ông N muốn lấy lại tiền thì báo trước 01 tháng. Khoảng tháng 7/2019, ông N đến nhà thông báo cho bà H, ông M về việc muốn lấy lại số tiền 200.000.000 đồng nêu trên, tuy nhiên đến nay bà H, ông M vẫn chưa trả được.

Các tình tiết, sự việc nêu trên do nguyên đơn đưa ra và được người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận, do vậy, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;..."*

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại tổng số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi: Tại các giấy nhận tiền ngày 07/4/2017 và ngày 07/9/2017, các bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng. Tuy nhiên nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Nguyễn Thế M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Nguyễn Thế M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thế M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thế M trả lại số tiền 400.000.000 đồng theo các giấy nhận tiền ngày 15/10/2017; 06/12/2017; 04/01/2018 và 20/4/2018.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thế M phải liên đới chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Minh Trang**